

Số: /TYC-BVT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

## YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến trước 15h ngày 08 tháng 10 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 08/10/2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận (phụ lục 01).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 02.

- Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá) (nếu có).

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 1 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc [vtyt.bvninhthuan@gmail.com](mailto:vtyt.bvninhthuan@gmail.com) hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: [benhvienninhthuan.vn](http://benhvienninhthuan.vn); [muasamcong.mpi.gov.vn](http://muasamcong.mpi.gov.vn); [chaogiattbyt.moh.gov.vn](http://chaogiattbyt.moh.gov.vn).

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Chi - Phòng VTTBYT – SĐT: 0379.338.838, Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu: VT, TCG<sub>8</sub>

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Huy Thạch**

**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ  
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CẤP CỨU, KHÁM CHỮA BỆNH**

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVT ngày / /2024 của Bệnh viện tỉnh)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
<b>I.</b>	<b>Nhóm số 1: Túi đựng dụng cụ tiệt trùng dùng trong y tế</b>			
1	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 150mm x (≥70m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	10
2	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 100mm x (≥70m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	5
3	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 350mm x (≥70m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương. Dùng cho lò hấp Plasma	Cuộn	5
4	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 100mm x (≥200m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	30
5	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 150mm x (≥200m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	100
6	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 200mm x (≥200m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương.	Cuộn	150
7	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 250mm x (≥100m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	100
8	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 75mm x (≥200m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	30
9	Túi đựng dụng cụ để tiệt trùng	Kích thước: 350mm x (≥100m), không mùi, không độc, nhựa plastic PET/PE hoặc tương đương	Cuộn	10
<b>II.</b>	<b>Nhóm số 2: Bộ dụng cụ tách tiểu cầu:</b>			
1	Bộ dụng cụ tách tiểu cầu	Bộ kit gạn tách tiểu cầu kim đơn bao gồm : - Túi chứa tiểu cầu thể tích ≥ 1300ml x 2 túi. - Túi chứa huyết tương thể tích ≥ 500ml x 1 túi. - Túi truyền thể tích ≥ 500ml x 1 túi - Túi trống thể tích ≥ 500ml x 1 túi. - Túi chứa mẫu thể tích ≥ 60ml x 2 túi. - Thể tích máu ngoài tuần hoàn (ECV) : ≤ 254ml - Tráng kit tự động với dung dịch nước muối và chống đông - Chất liệu túi : PVC-BTHC/PVC-DEHP hoặc tương đương. - Tiệt trùng bằng ETO. - Đi kèm 01 túi chống đông thể tích 1000ml hoặc tương đương. - Tương thích với máy tách thành phần máu tự động COM.TEC – FRESENIUS KABI/Thuy Điện	Bộ	140

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
<b>III. Nhóm số 3: Băng, băng, gạc</b>				
1	Băng cuộn y tế	Kích thước: $\geq (0.1m \times 2.5m)$ Là dạng gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%	Cuộn	5.400
2	Băng keo lụa	Kích thước: $\geq (2.5cm \times 5m)$ Chất liệu bằng vải lụa, keo Zinc oxide	Cuộn	15.120
3	Băng keo thun co giãn	Kích thước: $\geq (8cm \times 4.5m)$ Cổ định khớp, băng thun màu trắng, cotton 100%, keo Zinc oxide	Cuộn	600
<b>IV. Nhóm số 4: Dây các loại</b>				
1	Dây cho ăn	Chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương, không DEHP, không gây tổn thương cho bệnh nhân. Các cỡ 6-16. Tiệt trùng bằng khí EO	Sợi	1.150
2	Dây truyền máu	Chất liệu PVC hoặc tương đương, không độc hại, không gây sốt. Dây dài $\geq 150cm$ , có kim Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $\leq 200\mu m$ Tiệt trùng EO	Cái	4.000
3	Khóa ba ngã	Chất liệu Polyamide hoặc tương đương, không DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo. Chịu áp lực $\leq 2bar$ . Dây nối dài $\geq 25cm$ . Thể tích mỗi 2ml	Cái	8.500
4	Dây truyền dịch	Chất liệu PVC hoặc tương đương, mềm dẻo, độ đàn hồi cao. Chiều dài $\geq 1500mm$ , có kim Van thoát khí có thiết kế màng lọc khi vô khuẩn. Phần đáy bầu nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5ml$ . Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO	Sợi	70.000
<b>V. Nhóm số 5: Bơm kim tiêm</b>				
1	Bơm tiêm sử dụng một lần	Chất liệu nhựa y tế trong suốt hoặc tương đương. Dung tích 10ml, cỡ kim 23G/25G. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	200.000
2	Bơm tiêm sử dụng một lần	Chất liệu nhựa y tế trong suốt hoặc tương đương. Dung tích 50ml. Tiệt trùng bằng khí E.O. Sử dụng cho bơm tiêm điện	Cái	7.000
3	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	Cỡ kim 22G x 1", kim luồn có cánh. Catheter nhựa, có đường cản quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương	Cây	15.000

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
4	Kim tiêm sử dụng một lần	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, không DEHP, không buốt, không độc, không gây sốt. Cỡ kim 18G Tiệt trùng bằng khí E.O	Cây	150.000
<b>VII. Nhóm số 6: Vật tư dùng trong nha khoa</b>				
1	Tay khoan nhanh	- Kích thước đầu tay khoan: 12 x 13.1mm - Áp suất khí: 2.5 - 2.7 (kgf/cm <sup>2</sup> ) - Công suất: ≥20W. - Tốc độ: 300.000 - 400.000 vòng/ phút. - Loại mở mũi khoan: Nút bấm - Loại 3 tia phun nước - Thời gian bảo hành: ≥12 tháng (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	4
2	Mũi khoan vít mặt	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính ≤2.0mm (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	5
3	Ống hút nha	Chất liệu: nhựa PVC, mềm dẻo, không độc hại. Kích thước: 6,5mmx15cm Gói/ ≥ 100 cái (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	2000
4	Nẹp cố định	Chất liệu: Titanium. Nẹp 4 lỗ bắc cầu, dài 27.6mm Nẹp rộng 6mm, nẹp dày 1.5mm Tương thích với vít 2.4mm, vít khản cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	20
5	Vít hàm	Chất liệu: Titanium Đường kính 2.4mm, đường kính trong 1.6mm Dài 6-18mm Bước ren 1.0mm Tương thích với nẹp và mũi khoan 2.0mm, vít khản cấp có đường kính 2.7mm. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	190
6	Nẹp cố định	Chất liệu: Titanium. Nẹp 18 lỗ, dài 98mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm Nẹp dày 0.8 - 1 mm Đường kính lỗ nẹp: 2.4mm Tương thích với vít 2.0mm, vít khản cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	170
7	Mũi khoan xương	- Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính 1.6mm - Chiều dài mũi khoan: 72-110mm - Chiều dài làm việc: 22mm - Tương thích vít nhỏ đường kính 2.0mm (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
8	Vít mặt	<p>Chất liệu: Titanium</p> <p>Vít có đường kính 2.0mm, đường kính trong 1.25mm</p> <p>Dài 6-20mm</p> <p>Tương thích với nẹp, lưới và mũi khoan 1.6mm. Vít khân cấp có đường kính 2.3mm, dài 5-16mm</p> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Cái	1020
9	Nẹp thẳng	<p>Chất liệu: Titanium</p> <p>Nẹp thẳng 12 lỗ, dài 53.7mm, khoảng cách 2 lỗ 4.5mm,</p> <p>Nẹp rộng 3.6mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm</p> <p>Nẹp dày 0.7mm, đường kính lỗ nẹp 1.9mm</p> <p>Tương thích với vít 1.5mm, vít khân cấp 1.8mm trong trường hợp lỏng vít.</p> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Cái	30
10	Mũi khoan xương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Đường kính: 1.1mm</li> <li>- Chiều dài mũi khoan: 58mm, chiều dài làm việc 12mm.</li> <li>- Chiều dài mũi khoan: 65mm, 90mm, chiều dài làm việc 15mm.</li> <li>- Tương thích vít đường kính 1.5mm.</li> </ul> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Cái	2
11	Vít xương	<p>Chất liệu: Titanium</p> <p>Vít có đường kính 1.5mm, đường kính trong 1.0mm, bước ren 0.7 mm</p> <p>Dài 6-12mm</p> <p>Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt</p> <p>Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm, vít khân cấp có đường kính 1.8mm, dài 6-10mm.</p> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Cái	80
12	Keo dán nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: BisGMA, HEMA , hạt độn 5nm chiếm 10% trọng lượng hoặc tương đương.</li> <li>- Trọng lượng: Lọ 6g</li> </ul> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Lọ	5
13	Xi măng nha khoa	<p>Xi măng gắn glass ionomer được trộn bằng tay.</p> <p>Dùng để gắn inlay, onlay, cầu và mão kim loại, chốt, vít, khâu chỉnh hình, trám lót.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 01 lọ bột (30g) và 01 lọ nước (12ml)</li> </ul> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Hộp	4
14	Thun chỉnh nha	<p>Không có thành phần latex cao su tự nhiên. Kích thước S2-4.4mm. Màu xám. Gói có 13 cây, 80 thun/cây.</p> <p>(Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)</p>	Gói	1

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
15	Mắc cài	Vật liệu: Thép tiêu chuẩn, không xin màu Đế mắc cài 80 lỗ sàng. Tương thích với mặt cong răng nanh và răng hàm (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Bộ	15
16	Thun buộc mắc cài	Không có thành phần latex cao su tự nhiên, thiết kế thun với góc gấp 45 độ, ít vướng môi má, ổn định và ít đổi màu. Gói/100 thanh (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Gói	5
17	Thun chuỗi khít	Thun chuỗi, cuộn dài 457cm, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt là: 2.8mm. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cuộn	3
18	Thun chuỗi thưa	Thun chuỗi, cuộn dài 457cm, không có thành phần Latex cao su tự nhiên, khoảng cách 2 mắt là: 3.6mm. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cuộn	3
19	Keo dán nha khoa	Dùng để gắn trực tiếp mắc cài chỉnh nha sứ và kim loại. - Thành phần: acrylate - Sử dụng ở nhiệt độ: từ 20 → 25°C - Quy cách: Hộp /2 ống (ống 4gam); 1 lọ primer 6ml và 60 đầu cọ (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Hộp	3
20	Thun kéo liên hàm	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên, được phủ bột báp không có chất phụ gia tạo màu. - Kích thước: nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2- 7.9mm. - Lực kéo : 3 1/2-6 oz - Gói/ 100 cái (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Gói	70
21	Dây cung	Có độ đàn hồi và khả năng uốn cong. Kích cỡ 0.012 inch, hàm trên, hàm dưới Hộp/10 dây (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Hộp	4
22	Dây cung	Chất liệu: thép không gỉ, khả năng định hình tốt. Kích thước 0.017 x 0.025 inch, hàm trên, hàm dưới (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Hộp	4
23	Khâu răng 6	Thành phần: thép không gỉ Được dùng trong điều trị chỉnh nha Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Thành bên thẳng để giảm tách kẽ Có nhiều kích cỡ khác nhau. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	50

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
24	Khâu răng 7	Thành phần: thép không gỉ Được dùng trong điều trị chỉnh nha Đánh dấu ID bằng laser vĩnh viễn. Thành bên thẳng để giảm tách kẽ Có nhiều kích cỡ khác nhau. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Cái	50
25	Cao su nặng	Cao su lấy dấu răng trong phục hình, phẫu thuật nha khoa mức độ nặng - Thành phần: Vinyl polysiloxane Impression Material Putty - Thể tích: 2 x 305 ml/hộp (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Hộp	5
26	Cao su nhẹ	Cao su lấy dấu dùng để lấy dấu răng trong phục hình, phẫu thuật nha khoa mức độ nhẹ - Thành phần: Hydrophilic Vinyl Polysilxane Impression Materia, dạng lỏng - Thể tích: 2 x 100ml/hộp - Sử dụng kèm súng bơm cao su. (Thông số kỹ thuật như trên hoặc tương đương)	Hộp	5
<b>VIII. Nhóm số 7: Vật tư dùng cho kỹ thuật tán sỏi niệu quản</b>				
1	Ống thông JJ	Chất liệu nhựa Polyurethan (PUR) hoặc tương đương, có phủ Hydrophilic đầu mở. Các cỡ: 5-7Fr dài $\leq 26$ cm	Cái	500
2	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	- Chất liệu lõi Nitinol, phủ Hydrophilic (hoặc tương đương) - Các cỡ: 0.032" - 0.035", dài $\leq 150$ cm.	Cái	100
3	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	- Các cỡ: 0.032'' - 0.035'', dài $\leq 150$ cm - Có dụng cụ đẩy, có định vị dẫn đường - Đầu thẳng, lõi Nitinol (hoặc tương đương) chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm, có phủ lớp hydrophilic.	Cái	50



## PHỤ LỤC 02

### MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN

#### **Kính gửi: Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Hạn dùng (≥ tháng)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)* (10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	<b>Tổng cộng</b>									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))